

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 08-5-2020  
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN TỈNH AN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Nam Phú.

*Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;

Ông Nguyễn Thanh Thuần.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Châu Kim Sol –thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa:***  
Ông Phạm Hoàng Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 278/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1985, có mặt;

Địa chỉ nơi cư trú: Ấp P, xã A, huyện T, An Giang;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1985, vắng mặt.

Địa chỉ nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện T, An Giang;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30 tháng 9 năm 2019 và lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:

Chị và anh K được người quen mai mối, tìm hiểu và yêu thương nhau, tiến đến hôn nhân trong năm 2010. Đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T. Sau khi cưới về sống gia đình bên chồng tại ấp T, xã N. Lúc đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc và sinh được một đứa con là Nguyễn Trọng Nguyễn. Khi chị sinh con được một, hai tháng thì anh K yêu cầu chị phải cho con chung cho anh trai mình làm con nuôi nhưng chị không đồng ý

nên từ đó cuộc sống vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, anh K không lo làm ăn, khi đi chơi về kiểng chuyện chửi mắng chị, nhiều lần chị khuyên nhưng anh K không chịu nghe, không sửa đổi bản tính, tính nết tật ấy. Đến đầu năm 2012 chị quyết định bỏ về sống với cha mẹ ruột tại xã A, huyện T cho đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn K.

-Về con chung: Chị T và anh Nguyễn Tuấn K có một con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 08/9/2011. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Tuấn K cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có.

2. Quá trình tố tụng, anh Nguyễn Tuấn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có nguyên đơn chị T có mặt, bị đơn anh Nguyễn Tuấn K vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 26/03/2019, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng chỉ có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Võ Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán: Chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Hội đồng xét xử: Đảm bảo đúng quy định của pháp luật gồm một thẩm phán, hai Hội thẩm nhân dân;

+ Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung:

+ Về quan hôn nhân giữa chị T và anh K có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát

sinh mâu thuẫn và hiện cả hai người đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Xét thấy hôn nhân của chị T và anh K không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về con chung: Chị T và anh K có một con chung là cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 08/9/2011, hiện đang sống với chị T. Nhận thấy từ khi sống ly thân, con chung do chị T nuôi dưỡng, tại phiên tòa hôm nay chị T xin quyền nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của em Nguyễn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng

+ Về tài sản chung: chị Võ Thị T không yêu cầu giải quyết và khai không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn anh K đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân và gia đình giữa chị T và anh K được xác lập vào năm 2011, trước ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K được xác lập vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T nguyên nhân xin ly hôn do anh K không lo chí thú làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con mà chỉ biết ăn chơi. Mặc khác, do anh K không biết thương con, yêu cầu phải cho con ruột mình cho người anh nuôi dưỡng, do chị không đồng ý dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ đó cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn diễn ra ngày càng trầm trọng và chị T và anh K đã sống ly thân từ đầu năm 2012 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị T và anh K không tạo được cơ hội để hàn gắn đoàn tụ được; lời trình bày của chị T phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương; điều này chứng minh cuộc sống

hôn nhân giữa chị T và anh Kn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

[5] Về quan con chung: Chị T và anh K có một đứa con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 08/9/2011, hiện do chị Tđang nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung; cháu N cũng có nguyện vọng sống với chị T. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai đứa con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

Chị Võ Thị T và cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Tuấn K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị Võ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Tuấn K vắng mặt không có ý kiến, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[9] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí: chị Võ Thị T là người xin ly hôn nên phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Tuấn K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 11, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 036/2011, quyển số 01/2011 ngày 20 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Võ Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trọng Nguyễn, sinh ngày 08/9/2011.

Anh Nguyễn Tuấn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Võ Thị T và cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Tuấn K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0004818 ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Tuấn K là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Đương sự (2);
- VKS huyện (1);
- Tòa án tỉnh (1)
- UBND xã/thị trấn nơi đăng ký kết hôn (1);
- THA huyện (1);
- Lưu vp, hs (2).

**Châu Nam Phú**